

Số: 2674 /NĐND-KHĐTVT

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời các đơn vị/ Quý công ty trong Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV) có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực tham gia chào giá cung cấp hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

- Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV;
- Tên đơn hàng: Cung cấp trang thiết bị BHLĐ các loại phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026
- Số hiệu đơn hàng: 02- MSVT-NĐND-2026
- Thời gian phát hành Hồ sơ mời chào giá: Từ thời điểm Hồ sơ mời chào giá được đăng tải trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>) đến trước 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 11 năm 2025;
- Địa điểm phát hành Hồ sơ mời chào giá: Hồ sơ được phát hành miễn phí tại Mục: Thông tin đấu thầu trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>) hoặc tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);
- Địa điểm nhận Hồ sơ chào giá: Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);
- Thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá: 10 giờ 00 phút, ngày 28/ 11/2025;
- Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

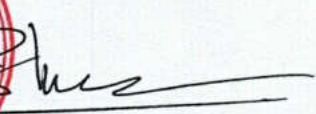
Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp nộp hồ sơ chào giá tới tham dự lễ mở hồ sơ chào giá vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng. 

Nơi nhận: 

- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để ph/h);
- Tổ tư vấn (e-copy, để t/h);
- Lưu: TCHC, KHĐTVT, NQ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Trần Việt Anh

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: **Cung cấp trang thiết bị BHLĐ các loại phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026**

Số hiệu đơn hàng: 02-MSVT-NĐND-2026

Phát hành ngày:... .. /11/2025



ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO GIÁ
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Dương

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Từ/cụm từ	Giải nghĩa
ĐLTKV	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP
Bên mời chào giá	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV
HSMCG	Hồ sơ mời chào giá
HSCG	Hồ sơ chào giá
VND	Đồng Việt Nam
NCC	Nhà cung cấp tham gia chào giá



MR

as

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Bên mời chào giá

1. Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV.
2. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp tham gia chào giá mua sắm vật tư trong ngành theo Đơn hàng: Cung cấp trang thiết bị BHLĐ các loại phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2026.

Mục 2. Các yêu cầu về vật tư

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có), v.v...
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).
3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:
 - Bản giới thiệu về nhà cung cấp;
 - Báo cáo tài chính năm 2024 (*bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 hoặc báo cáo tài chính năm 2024 nộp cho cơ quan thuế qua mạng kèm theo xác nhận của cơ quan thuế về việc đã nộp báo cáo tài chính*), trong đó doanh thu từ hoạt động SXKD năm 2024 tối thiểu là: **2.792.000.000 VNĐ** và giá trị tài sản ròng năm 2024 của NCC > 0;
 - Yêu cầu về hợp đồng tương tự: Hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá. Trong đó hợp đồng tương tự là:
 - + Có tính chất tương tự: Cung cấp vật tư, hàng hóa cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (*Trường hợp nhà cung cấp kê khai hợp đồng có bao gồm cả phần dịch vụ thì chỉ được xem xét phần giá trị hàng hóa mà nhà cung cấp đã thực hiện trong hợp đồng đó*).
 - + Có quy mô (giá trị) tối thiểu: **950.000.000 đồng**.
 - + Trường hợp nhà cung cấp kê khai hợp đồng cung cấp vật tư, hàng hoá không phải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hoá giữa các đơn vị kinh doanh thương mại) thì nhà cung cấp phải cung cấp tối thiểu 02 hợp đồng đáp ứng yêu cầu về quy mô (giá trị) tối thiểu theo quy định. Nhà cung cấp chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý đối với các thông tin, tính xác thực của các hợp đồng đã hoàn thành được kê khai.



(Nhà cung cấp phải nộp bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của hợp đồng và một trong các tài liệu sau đây để chứng minh hợp đồng đã hoàn thành: hóa đơn (kèm theo bảng tổng hợp giá trị hoàn thành), biên bản nghiệm thu hàng hoá, biên bản thanh lý hợp đồng, ...)

4. Bên mời chào giá có thể chấp nhận nhà cung cấp là đơn vị một độc lập hoặc liên danh giữa các nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a) Giá chào:

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

b) Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào Đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c) Nhà cung cấp có thể chào cho một, một phần hoặc toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc giao hàng (nếu có).

b) Thời gian giao hàng: Không quá thời gian được quy định tại Mục 2. Tiến độ cung cấp, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng.

3. Thanh toán:

a) Tạm ứng: Không

b) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

c) Thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng có khấu trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên Bán (nếu Bên Bán cung cấp bảo lãnh bảo hành của ngân hàng tương đương 5% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng) Hoặc Bên mua sẽ thanh toán 95% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng có khấu trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên Bán (nếu Bên Bán không cung cấp bảo lãnh bảo hành của ngân hàng tương đương 5% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng) trong vòng 45 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ tết) kể từ ngày Bên Bán bàn giao đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy



Handwritten signatures and initials at the bottom of the page.

định của hợp đồng. *Đính kèm mẫu biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán.*

Khi hết thời hạn bảo hành Bên mua sẽ thanh toán 5% giá trị bảo hành cho Bên Bán trong vòng 45 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ tết) kể từ ngày Bên Bán bàn giao biên bản xác nhận hết thời gian bảo hành và văn bản đề nghị thanh toán. *Đính kèm mẫu biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán.*

d) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán do Bên bán phát hành;
- Hóa đơn tài chính;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa (*quy định tại phụ lục 2*);
- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).
- Bảo lãnh bảo hành (Nếu có).

4. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam.

3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và 03 bản chụp Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

1703
NG T
T B
NG
ONG
VC
TCP
T.L

2. Bảo đảm tham gia chào giá theo hình thức nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá, bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh tham gia chào giá.

- Giá trị của Bảo đảm tham gia chào giá: không thấp hơn **27.000.000** đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu đồng chẵn).

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tham gia chào giá là 90 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Trường hợp Nhà cung cấp nộp bảo đảm dự chào giá bằng hình thức chuyển khoản, nội dung cụ thể như sau:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV

Số tài khoản: 351 000 7744 Tại Ngân hàng BIDV tỉnh Lạng Sơn

Nội dung: Nộp bảo đảm tham gia chào giá đơn hàng: Cung cấp trang thiết bị BHLĐ các loại phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026- Số hiệu đơn hàng: 02-MSVT- NĐND-2026.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

4. Bản kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng,... theo Mẫu số 03, Chương III - Biểu mẫu.

5. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II của đơn hàng, bao gồm các tài liệu chứng minh về nguồn gốc xuất xứ, chất lượng theo Mẫu số 04, Chương III - Biểu mẫu.

6. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

7. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III - Biểu mẫu.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá phải được nộp trong phong bì dán kín, có niêm phong về địa chỉ: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) bằng hình thức chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp không muộn hơn **10 giờ 00 phút, ngày 22.. tháng 11 năm 2025**. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét. Trường hợp nộp trực tiếp thì người nộp Hồ sơ chào giá phải xuất trình giấy giới thiệu của nhà cung cấp cử đi nộp Hồ sơ chào giá và chứng minh nhân dân/căn cước công dân/căn cước của bản thân.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) vào hồi 10 giờ 30 phút, 22.. tháng 11 năm 2025. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ

(Chữ ký và dấu)

sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, cụ thể:

a) Hồ sơ chào giá có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu quy định tại Mục 6, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

b) Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

c) Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tư cách pháp nhân được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Mục 3, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

d) Có đơn chào hàng được đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được uỷ quyền) của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

e) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng giá chào của hàng hóa, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá; Giá chào phải tuân thủ các Khoản 1, Mục 4, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

f) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá.

Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật. Hồ sơ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí sau được đánh giá là đạt:

Stt	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
1	Quy cách, đặc tính kỹ thuật của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá	Có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Không có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng
2	Nguồn gốc, xuất xứ của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá (chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng được quy cách, đặc	Hàng hoá chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ	Hàng hoá chào không thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ

12

12

12



Stt	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
	<i>tính kỹ thuật)</i>		
3	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của phương án cung cấp vận chuyển hàng hoá	Có Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp	Không có Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp
4	Bảo hành	Có thời gian bảo hành đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Không có thời gian bảo hành hoặc có nhưng không đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng
5	Địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa (<i>chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng quy cách, đặc tính kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ</i>)	Có đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá	Không đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá
6	Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng	Có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu	Không có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu

4. Đánh giá về giá:

Đối với các Hồ sơ chào giá được đánh giá hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì sẽ được xem xét về giá đối với các hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

- Cách xác định đơn giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng chủng loại hàng hóa tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định đơn giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v...

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Đối với đơn hàng có nhiều hạng mục thì

NP

MA

✓

MINH
QUY

việc đánh giá sẽ theo nguyên tắc so sánh từng hạng mục giống nhau hoặc tương đương để xếp hạng các Hồ sơ chào giá.

Mục 11. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp hàng hóa khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong HSMCG;
2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các hồ sơ chào giá từ thấp nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Ghi chú: Mặc dù đã được quy định như trên, để đảm bảo nguồn cung cấp vật tư kịp thời phục vụ sản xuất, Bên mời chào giá có quyền lựa chọn nhiều hơn 01 nhà cung cấp và Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc đơn hàng có nhiều hạng mục hoặc có một hạng mục nhưng số lượng lớn.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư

Mục 13. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật

- Tên đơn hàng: Cung cấp trang thiết bị BHLĐ các loại phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026.
- Số hiệu đơn hàng: 02-MSVT-NĐND-2026.
- Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa:

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chai tạo khói	Chai	12	Mã hiệu: SOLO-A5 dùng để tạo khói cho dụng cụ thử đầu báo khói Solo – 330	≥ 12 tháng	(*)
2	Quả tạo khói	Quả	10	Mã hiệu: HPK 2.5	≥ 12 tháng	
3	Hộp đựng vòi chữa cháy INOX304 sơn tĩnh điện màu đỏ	Cái	12	KT: (600x500x220mm), dày 1,5mm	Không yêu cầu	
4	Nội quy PCCC	Cái	40	in bạt khung thép hộp, KT: 630x850mm	Không yêu cầu	
5	Nội quy sử dụng điện	Cái	40	in bạt khung thép hộp, KT: 630x850mm	Không yêu cầu	
6	Nội quy CNCH	Cái	40	in bạt khung thép hộp, KT: 630x850mm	Không yêu cầu	
7	Sơ đồ bố trí hệ thống PCCC và lối thoát nạn	Cái	10	in trên nền alu, KT: 297x420mm	Không yêu cầu	
8	Tiêu lệnh chữa cháy (in trên nền alu)	Cái	20	KT: 440 x 320mm	Không yêu cầu	
9	Biển cấm lửa (in trên	Cái	20	KT: 150x360mm	Không yêu cầu	



Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	nền alu)					
10	Vòi cứu hỏa	Cuộn	35	D50 (DIN 14811; SYNTEX 500 WP 17 BAR)	≥ 12 tháng	(*) - Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa - Hàng hóa này thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025. NCC có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ hợp lệ theo quy định.
11	Vòi cứu hỏa	Cuộn	25	D65 (DIN 14811; SYNTEX 500 WP 17 BAR)	≥ 12 tháng	(*) - Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa - Hàng hóa này thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025. NCC có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ hợp lệ theo quy định.
12	Lăng phun bằng nhôm	Cái	5	KT: Đường kính khớp nối đầu vào 65mm	≥ 12 tháng	(*) Hàng hóa này thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025. NCC có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ hợp lệ theo quy định.
13	Lăng phun bằng nhôm	Cái	5	KT: Đường kính khớp nối đầu vào 50mm	≥ 12 tháng	(*) Hàng hóa này thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025. NCC

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ hợp lệ theo quy định.
14	Khớp nối chuyển tiếp	Cái	8	Mã hiệu: KJK80/65	≥ 12 tháng	(*) Hàng hóa này thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025. NCC có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ hợp lệ theo quy định.
15	Khớp nối chuyển tiếp	Cái	8	Mã hiệu: KJK65/50	≥ 12 tháng	(*) Hàng hóa này thuộc danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông theo quy định của nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025. NCC có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ hợp lệ theo quy định.
16	Chăn chiên chữa cháy	Cái	4	KT: dài x rộng = 1,2 x 1,6m.	Không yêu cầu	
17	Thùng đựng cát chữa	Cái	8	Vật liệu: SUS 304 dày 2mm, có 4 bánh	Không yêu	

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	cháy			xe và nắp đậy, Có gắn tay cầm bên hông - Màu sắc: Sơn tĩnh điện màu đỏ in chữ "PCCC" trên bề mặt - kích thước 600 x 500 x 400 x 2mm	cầu	
18	Xăng chữa cháy sơn màu đỏ	Cái	8	Quy cách: cán gỗ sơn màu đỏ dài 1,2m	Không yêu cầu	
19	Cát	m3	3	Loại: cát vàng	Không yêu cầu	
20	Quần áo chữa cháy	Bộ	49	Thông tư 150 /2020/TT-BCA của Bộ Công an bao gồm: Một mũ chống cháy có tem kiểm định (KĐ), Một bộ quần áo chống cháy; cũng có tem kiểm định (KĐ), Một đôi găng tay chống cháy, Một đôi ủng chống cháy có tem kiểm định (KĐ), Một khẩu trang	≥ 03 tháng	(*) - Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
21	Găng tay cách điện 6 kV-10kV	Đôi	1	Cấp điện áp: ≤10kv. Tiêu chuẩn: TCVN 5586 – 1991. - - Màu sắc: màu vàng. - Chất liệu: cao su thiên nhiên cách điện.	≥ 03 tháng	(*) - Giấy kiểm định an toàn thiết bị điện hoặc các giấy tờ khác liên quan đảm bảo theo quy định của pháp luật

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	Ủng cách điện 22kV (35kV)	Đôi	1	Cấp điện áp: $\leq 35\text{kV}$. D43 Màu sắc: hồng đỏ. - Chất liệu: cao su thiên nhiên cách điện. - Tiêu chuẩn: TCVN 5588 – 1991.	≥ 03 tháng	(*) - Giấy kiểm định an toàn thiết bị điện hoặc các giấy tờ khác liên quan đảm bảo theo quy định của pháp luật
23	Găng tay cách điện hạ thế	Đôi	2	Điện áp kiểm tra: 3,5KV Màu sắc: màu vàng. - Chất liệu: cao su thiên nhiên cách điện. - Tiêu chuẩn: TCVN 5588 – 1991.	≥ 03 tháng	(*) - Giấy kiểm định an toàn thiết bị điện hoặc các giấy tờ khác liên quan đảm bảo theo quy định của pháp luật
24	Bút thử điện AC100-500V	Cái	44	Thử điện áp AC 100-500V; mã hiệu: BTĐ-01.	≥ 03 tháng	(*)
25	Sào cách điện 110kV	cái	1	Model: SEW HS-175-5 ó 5 ống lồng, trọng lượng 3.1kg, chiều dài tối đa 6.42m, chiều dài thu gọn là 1.58m và chiều rộng sào là 45.3mm kèm túi đựng, móc thao tác HOK-HS166	≥ 12 tháng	(*) - Giấy kiểm định an toàn thiết bị điện hoặc các giấy tờ khác liên quan đảm bảo theo quy định của pháp luật
26	Bộ quần áo bảo hộ lao động mùa hè	Bộ	306	Kiểu cách: + Áo Màu Ghi dài tay thiết kế kiểu cổ sơ mi sử dụng cúc cài. Có 2 túi vuông trước ngực có nắp đậy, phản quang chạy thân trước và thân sau và có cúc cài tay áo. +Quần màu ghi loại 1 lớp túi chéo 2 bên hông, 2 túi hậu và có túi hộp 2 bên gối, cặp quần có chun co giãn ở 2 bên sườn. - Chất liệu: vải	≥ 03 tháng	- Giấy chứng nhận chất lượng hoặc chứng nhận xuất xưởng hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				kaki Hàn Quốc hoặc Vải pangrim. - Thêu logo Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; - Kích cỡ: theo số đo của từng CBCNV của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. (Mẫu thực tế được thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng)		
27	Bộ quần áo bảo hộ lao động mùa đông	Bộ	274	Kiểu cách: + Áo màu ghi 3 lớp dày chống lạnh loại kéo khóa không mũ. Có 2 túi vuông trước ngực có nắp đậy và túi chéo 2 bên sườn, phản quang chạy thân trước và thân sau. + Quần màu ghi loại 1 lớp túi chéo 2 bên hông, 2 túi hậu và có túi hộp 2 bên gối, cạp quần có chun co giãn ở 2 bên sườn. - Chất liệu: vải kaki hoặc Vải pangrim. - Thêu logo Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; - Kích cỡ: theo số đo của từng CBCNV của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. (Mẫu thực tế được thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng)	≥ 03 tháng	- Giấy chứng nhận chất lượng hoặc chứng nhận xuất xưởng hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
28	Bộ quần áo thợ hàn	Bộ	6	Kiểu cách: Áo có 2 túi ngực rộng rãi, phía trên có nắp đậy và khuy cài chắc chắn, phản quang chạy thân trước và thân sau. Quần 6 túi bao gồm 2 túi chéo, 2 túi hậu và 2 túi hộp to đầu gối, cạp quần có chun co giãn ở 2 bên sườn. - Chất liệu: vải Jean dày + thêu logo của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; - Cả quần và áo đã được may sẵn phản quang. - Kích cỡ: theo số đo của từng CBCNV của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. (Mẫu thực tế được thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng)	≥ 03 tháng	- Giấy chứng nhận chất lượng hoặc chứng nhận xuất xưởng hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
29	Bộ quần áo sửa chữa lò hơi (sử dụng trong quá trình SCBD dừng lò)	Bộ	40	Kiểu cách: Áo liền quần, mũ trùm đầu, bao bảo vệ chân và găng tay. - Chất liệu: vải Jean dày - Cả quần và áo đã được may sẵn phản quang. - Kích cỡ: theo số đo của từng CBCNV của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. (Mẫu thực tế được thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng) B67	≥ 03 tháng	- Giấy chứng nhận chất lượng hoặc chứng nhận xuất xưởng hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa



Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
30	Quần áo mưa	Bộ	136	Loại: áo 2 lớp - Xuất xứ: Việt Nam. - Chất liệu: Vải dù trắng PVC. - Màu sắc: Xanh đen. - Quy cách: Đóng hộp: áo, mũ, quần được tách riêng biệt bọc túi đóng trong hộp bìa cứng - Kích cỡ: theo số đo của từng CBCNV của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. (Mẫu thực tế được thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng)	≥ 03 tháng	
31	Bộ quần áo nhân viên y tế	Bộ	1	Quy cách 01 Bộ gồm: 01 áo, 01 quần và 01 mũ; - Chất liệu: cotton + Thêu logo Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; - Màu sắc: trắng. - Kích cỡ: theo số đo của từng CBCNV Công ty. (Mẫu thực tế được thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng)	≥ 03 tháng	- Giấy chứng nhận chất lượng hoặc chứng nhận xuất xưởng hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa được Bên Mua chấp nhận
32	Áo phao cứu sinh	Cái	6	Quy cách: áo phao cứu sinh. Model: HKAP-10 hoặc Model: HKAP-9	Không yêu cầu	
33	Áo gile lưới phản quang	Cái	4	mã sản phẩm: AV34 - Kiểu dáng: áo gile; - Chất liệu: vải polyester kết hợp	Không yêu cầu	

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				cùng với phản quang cấp 1 - Màu sắc: Màu xanh chuối		
34	Giày da bảo hộ lao động mũi sắt	Đôi	293	Model: Jogger Pluto Tiêu chuẩn: EN ISO 20345 - S3 / SRC, HRO Chất liệu: Chất liệu da Kích cỡ: theo số đo của từng CBCNV của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. (Mẫu thực tế được thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng)	≥ 03 tháng	(*) - Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa.
35	Giày da cao cổ (thợ hàn)	Đôi	6	Mã hiệu: Z106; Đế giày: Cao su bền, chống trượt Chất liệu: Da bò lộn Mũi giày: Bằng thép chống dập ngón chân ; - Nhãn hiệu: Zboot. Kích cỡ: theo số đo của từng CBCNV của Công ty Nhiệt điện - Na Dương - TKV. (Mẫu thực tế được thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng)	≥ 03 tháng	(*)
36	Ủng cao su	Đôi	122	Chất liệu: cao su, nhựa PVC tổng hợp; chống thấm nước và trơn trượt tốt. - Kích cỡ: theo số đo của từng CBCNV của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. (Mẫu thực tế được thống nhất trong quá trình thương thảo)	Không yêu cầu	

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				hợp đồng)		
37	Găng tay cao su	Đôi	218	- Chất liệu : Găng tay được làm từ cao su tổng hợp - Độ dày: 0,40 mm. Chiều dài: 330mm - Tính năng : Chống dầu, chống hóa chất.	Không yêu cầu	
38	Găng tay y tế	Hộp	33	Không mùi, không bột, không chứa cao su tự nhiên Latex, không gây dị ứng da cho người sử dụng. - Có thể đeo được cả 2 tay, độ nhám ở đầu ngón tay. - Thiết kế vừa vặn và thoải mái khi mang	Không yêu cầu	
39	Găng tay sợi bảo hộ phủ sơn	Đôi	3 000	- Loại: găng tay sợi phủ sơn; - Chất liệu: sợi polyeste phủ sơn.	Không yêu cầu	
40	Găng tay vải bạt	Đôi	2 000		Không yêu cầu	
41	Găng tay hàn	Đôi	16	Màu sắc: Màu vàng - Kích thước: Dài 36cm - Loại: 1 Đôi - Tính năng: Chống tia lửa hàn, chịu nhiệt cao, chống cắt, xé, rách, đâm, xuyên... - Chất liệu: Da lộn lót cotton Hãng sản xuất : Sseda	Không yêu cầu	

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
46	Khẩu trang hoạt tính	Cái	78	Mã hiệu: SP52; - Chất liệu: nhựa và màng poly, pin lọc hoạt tính. - Loại: Phin lọc đơn, 2 van thở - Tính năng: Chống bụi, vi khuẩn, hơi hữu cơ	Không yêu cầu	
47	Lõi khẩu trang	Cái	100	- Phin lọc Blue Eagle RC203 - Phin lọc sử dụng cho mặt nạ NP 305 và NP306	≥ 03 tháng	(*)
48	Mặt nạ phòng độc	Cái	4	Model: 3M 6008	≥ 03 tháng	(*) - Cung cấp giấy kiểm định an toàn Hoặc các giấy tờ khác liên quan đảm bảo theo quy định của pháp luật
49	Lõi mặt nạ phòng độc	Cái	8	Model: 3M 6006	≥ 03 tháng	(*)
50	Xà phòng	Kg	1 408	Quy cách: 380g/gói;	Không yêu cầu	(*)
51	Nút tai chống ồn	Đôi	213	Mã hiệu: 3M 1270	Không yêu cầu	(*)
52	Kính bảo hộ lao động	Cái	116	Mã hiệu: 3M SF301AF	Không yêu cầu	(*)
53	Kính bảo hộ lao động che toàn mặt chống khói bụi	Cái	38	- Có phần dây điều chỉnh, lớp thoát khí không bị hấp hơi, chất liệu mika cao cấp trong suốt, dẻo - Lỗ thoát khí dưới	Không yêu cầu	



Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				cầm giúp hơi thoát ra ngoài		
54	Kính hàn điện tử	Cái	16	- Mã hiệu: ARES-335 Nguồn nuôi: Pin sạc và NLMT - Chống bụi, chống nước Vật liệu mặt nạ: Nhựa PP - Kích thước hộp sp: 151x72x27mm - Ứng dụng: Hàn hồ quang, MIG, TIG	Không yêu cầu	(*)
55	Kính chống axit, kiềm	Cái	5	Mã hiệu: 3M-334AF hoặc (Mã hiệu: 3M-1621AF)	Không yêu cầu	(*)
56	Kính hàn hơi	Cái	16	Mã hiệu: Blue Eagle GW250 - Khung: PVC - Tròn kính trong suốt dày: 1,0mm - Tròng kính màu tối dày: 2,0mm	Không yêu cầu	(*)
57	Mặt nạ hàn đội đầu	Cái	16	Mã hiệu: Blue Eagle 633P - Màu sắc: Màu đen - Kiểu dáng: Phù hợp với đối tượng lao động - Chất liệu: Nhựa Polypropylene shell	Không yêu cầu	(*)
58	Dây an toàn	Cái	32	Mã: (Áo) HAR44EL + (dây) AN245200C DD/ADD - Loại: dây toàn thân kết hợp 2 móc có chống sốc dạng thun - Đáp ứng tiêu chuẩn EN 365:2004, EN 358:2018, EN361:2002, EN364:1992	≥ 03 tháng	(*) - Cung cấp giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa - Cung cấp giấy kiểm định an toàn hoặc

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						các giấy tờ khác liên quan đảm bảo theo quy định của pháp luật
59	Yếm hàn	Cái	16	Màu sắc: Màu Đen - Tiêu chuẩn: TCVN - Độ dày: 1,3 – 1,5 mm - Kích thước: 87*57	Không yêu cầu	

(*) Trường hợp nhà cung cấp đề xuất cung cấp hàng hóa khác hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về quy cách, đặc tính kỹ thuật tại cột “Quy cách, đặc tính kỹ thuật” thì nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật, bản vẽ của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp (catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp;

- Tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp tương đương về quy cách, đặc tính kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ) với hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về quy cách, đặc tính kỹ thuật tại cột “Quy cách, đặc tính kỹ thuật” (kèm theo bảng so sánh các thông số kỹ thuật chính giữa hàng hóa nhà cung cấp đề xuất cung cấp với hàng hóa được bên mời cung cấp chỉ dẫn tại cột “Quy cách, đặc tính kỹ thuật” để chứng minh sự tương đương về quy cách, đặc tính kỹ thuật).

(Trường hợp nhà cung cấp không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi bên mời nhà cung cấp yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà cung cấp đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật) và sẽ không được xem xét về giá đối với hàng hóa đó.

Mục 2. Tiến độ cung cấp

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chai tạo khói	Chai	12	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
2	Quả tạo khói	Quả	10	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
3	Hộp đựng vòi chữa cháy INOX304 sơn tĩnh điện màu đỏ	Cái	12	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
4	Nội quy PCCC	Cái	40	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
5	Nội quy sử dụng điện	Cái	40	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
6	Nội quy CNCH	Cái	40	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
7	Sơ đồ bố trí hệ thống PCCC và lối thoát nạn	Cái	10	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
8	Tiêu lệnh chữa cháy (in trên nền alu)	Cái	20	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
9	Biển cấm lửa (in trên nền alu)	Cái	20	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
10	Vòi cứu hỏa	Cuộn	35	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

le ✓ MIM. su

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					Dương, tỉnh Lạng Sơn)
11	Vòi cứu hỏa	Cuộn	25	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
12	Lăng phun bằng nhôm	Cái	5	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
13	Lăng phun bằng nhôm	Cái	5	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
14	Khớp nối chuyển tiếp	Cái	8	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
15	Khớp nối chuyển tiếp	Cái	8	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
16	Chăn chiên chữa cháy	Cái	4	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
17	Thùng đựng cát chữa cháy	Cái	8	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
18	Xẻng chữa cháy sơn màu đỏ	Cái	8	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
19	Cát	m3	3	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
20	Quần áo chữa cháy	Bộ	49	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa

2070
CÔNG
HIỆT Đ
DƯƠNG
NH TÔNG
H LỤC
CTCP
H-T.A

(Handwritten signatures and marks)

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
21	Găng tay cách điện 6 kV-10kV	Đôi	1	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
22	Ủng cách điện 22kV (35kV)	Đôi	1	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
23	Găng tay cách điện hạ thế	Đôi	2	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
24	Bút thử điện AC100-500V	Cái	44	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
25	Sào cách điện 110kV	cái	1	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
26	Bộ quần áo bảo hộ lao động mùa hè	Bộ	306	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
27	Bộ quần áo bảo hộ lao động mùa đông	Bộ	274	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
28	Bộ quần áo thợ hàn	Bộ	6	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
29	Bộ quần áo sửa chữa lò hơi (sử dụng trong quá trình SCBD dừng lò)	Bộ	40	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
30	Quần áo mưa	Bộ	136	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa

34-00
TỶ
ĐIỆN
-TKV
CÔNG TY
TKV
HANG S

12

12/11/2021

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					chi: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
31	Bộ quần áo nhân viên y tế	Bộ	1	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
32	Áo phao cứu sinh	Cái	6	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
33	Áo gile lưới phản quang	Cái	4	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
34	Giày da bảo hộ lao động mũi sắt	Đôi	293	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
35	Giày da cao cổ (thợ hàn)	Đôi	6	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
36	Ủng cao su	Đôi	122	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
37	Găng tay cao su	Đôi	218	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
38	Găng tay y tế	Hộp	33	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
39	Găng tay sợi bảo hộ phủ sơn	Đôi	3 000	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
40	Găng tay vải bạt	Đôi	2 000	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					chi: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
41	Găng tay hàn	Đôi	16	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
42	Mũ nhựa cứng màu trắng	Cái	191	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
43	Mũ nhựa cứng màu vàng	Cái	30	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
44	Mũ nhựa cứng màu xanh	Cái	50	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
45	Khẩu trang lọc bụi (nếp nhôm ngoài hoặc trong)	Cái	6 948	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
46	Khẩu trang hoạt tính	Cái	78	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
47	Lõi khẩu trang	Cái	100	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
48	Mặt nạ phòng độc	Cái	4	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
49	Lõi mặt nạ phòng độc	Cái	8	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
50	Xà phòng	Kg	1 408	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					chi: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
51	Nút tai chống ồn	Đôi	213	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
52	Kính bảo hộ lao động	Cái	116	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
53	Kính bảo hộ lao động che toàn mặt chống khói bụi	Cái	38	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
54	Kính hàn điện tử	Cái	16	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
55	Kính chống axit, kiềm	Cái	5	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
56	Kính hàn hơi	Cái	16	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
57	Mặt nạ hàn đội đầu	Cái	16	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
58	Dây an toàn	Cái	32	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
59	Yếm hàn	Cái	16	45 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

420703
CÔNG TY
NHIỆT ĐIỆN
DƯƠNG -
NH TÓNG C
N LỤC T
CTCP
VN-T.L.P

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện đơn hàng [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian.....ngày, kể từ ngày...
[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. To the right, there is a red circular stamp with the text 'HỢP ĐỒNG' (Contract) and other illegible characters. The signatures appear to be from the supplier and possibly the buyer or a witness.

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HOÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Stt	Danh mục hàng hoá	ĐVT	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nhà sản xuất, xuất xứ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ)	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền sau thuế (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	$(9) = (7) * [1 + (8)/100]$	$(10) = (4) * (9)$
1	Hàng hoá thứ 1								M1
2	Hàng hoá thứ 2								M2
...	...								...
n	Hàng hoá thứ n								Mn
	Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)								M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]

* Lưu ý:

- Giá gói cung cấp được phê duyệt đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%. Để đảm bảo công bằng cho tất cả

các nhà cung cấp trong quá trình đánh giá về giá đối với các hồ sơ chào giá, đề nghị các nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10% và công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và không công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào thì được hiểu là giá chào của nhà cung cấp đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và công bố mức thuế suất thuế GTGT khác 10% thì khi đánh giá về giá đối với hồ sơ chào giá của nhà cung cấp đó, Bên mời chào giá sẽ hiệu chỉnh thuế GTGT trong giá chào của nhà cung cấp về mức thuế suất 10%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá không bao gồm thuế GTGT thì hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

up

Nguyễn Văn...



✓

gus

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

1. Giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

b) Khối lượng giao nhận: Giao theo nhu cầu thực tế của Bên mua. Khi có nhu cầu sử dụng vật tư, hàng hóa, Bên mua sẽ có văn bản thông báo cấp hàng cho Bên bán.

c) Phương án cung cấp, vận chuyển vật tư, hàng hóa: Bên bán phải thực hiện công tác vận chuyển, nâng hạ, bốc xếp hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua tại vị trí giao nhận.

2. Thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

c) Thời hạn thanh toán:

d) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn tài chính;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).
- Bảo lãnh bảo hành (nếu có).

3. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

11042
C
NH
NA D
HINH
BIỆ
C B

BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của hàng hóa được chào giá.

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1						
2	Hàng hoá thứ 2						
							
n	Hàng hoá thứ n						

ML

manh
guy

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng:

1. Tên hàng và khối lượng: theo nhu cầu của Bên mua; khi có nhu cầu, Bên mua sẽ gửi thông báo cấp hàng cho Bên bán.
2. Nhà sản xuất:
3. Xuất xứ:
4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%.
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: theo Bản kê chi tiết danh mục hàng hóa.

II. Hình thức hợp đồng:

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

III. Giá cả và phương thức thanh toán:

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:
2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
3. Bộ chứng từ thanh toán:
 - Văn bản đề nghị thanh toán;
 - Hóa đơn tài chính;
 - Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
 - Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
 - Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
 - Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).

IV. Giao hàng:

1. Địa điểm giao nhận: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc nâng - hạ hàng tại nơi giao hàng (nếu có).

2. Thời gian giao hàng: thời gian giao hàng không quá thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng kể từ ngày Bên bán nhận được thông báo cấp hàng của Bên mua.

3. Xác định khối lượng giao nhận:

- Phương pháp: Kiểm đếm trực tiếp.
- Địa điểm xác định khối lượng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác khi có yêu cầu của Bên mua.

Handwritten signature

Handwritten signature

34-02
 Y
 EN
 TK
 CÔNG
 TKV
 LẠNG

4. Xác định chất lượng:

- Phương pháp: thông qua nhãn mác, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa của Bên bán hoặc thông qua một đơn vị giám định độc lập có chức năng theo yêu cầu của Bên mua.

- Địa điểm xác định chất lượng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác do hai bên thỏa thuận trong quá trình thực hiện hợp đồng.

V. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

1. Bên bán phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư.

VI. Bảo hành:

- Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư.

- Hình thức và giá trị bảo đảm bảo hành: bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá hoặc Bên mua sẽ giữ lại 5% giá trị thực hiện hợp đồng.

- Trong thời gian bảo hành nếu phát hiện hàng hóa do lỗi của nhà sản xuất, Bên bán phải tiến hành sửa chữa ngay cho Bên mua trong thời gian 07 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.

- Trường hợp không thể khắc phục sửa chữa thì Bên bán phải thay thế bằng hàng hóa mới cho Bên mua trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.

VII. Phạt vi phạm hợp đồng:

a) Phạt chậm thanh toán: Không áp dụng

b) Phạt chậm giao hàng:

- Bên bán vi phạm về thời gian giao hàng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên mua gây ra, thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày giao hàng chậm, nhưng toàn bộ số tiền phạt chậm không được vượt quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Bên bán vi phạm không thực hiện toàn bộ hoặc không thực hiện một phần của hợp đồng (không giao hoặc giao hàng không đúng số lượng, chủng loại) theo quy định thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

VIII. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

Bên bán có trách nhiệm cung cấp các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về bảo quản hàng hóa trước khi sử dụng và bố trí cán bộ kỹ thuật hướng dẫn Bên mua trong quá trình sử dụng hàng hóa do Bên bán cung cấp (khi có yêu cầu của Bên mua).

RL

RL
mm/